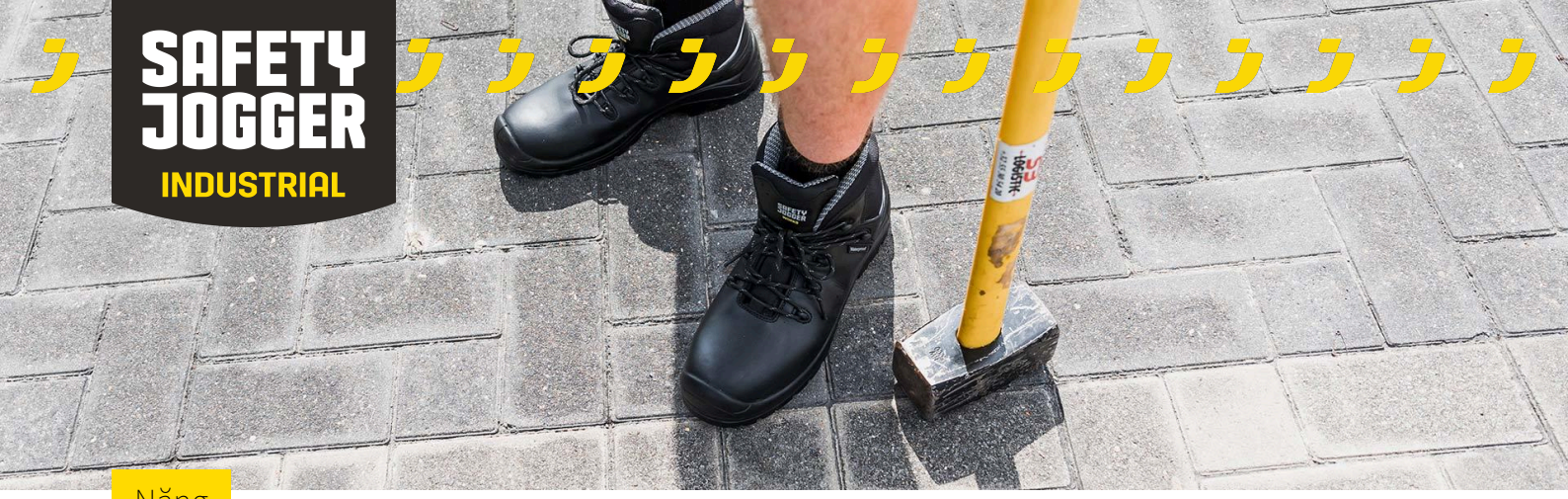

SAFETY JOGGER
INDUSTRIAL

Nặng

# X430 S7S

**Giày an toàn trung bình cao ngoài** chịu nhiệ t

Giày an toàn X430 S7S màng bảo vệ chống thấm nư ớc , chịu đư ợc nhiệ t độ cao, cách nhiệ t ch ố n gl ạnh , đư ợc trang bị x ả tĩnh điệ n và chư ố ợtn g t

| | |
|---|---|
| Những vật liệu cao cấp hơn | Học hỏi |
| lót bên trong | màng |
| trong Đ ốp SJ | đế x |
| iữa đế g ệt chống thủ ng | |
| ngoài Đ | PU/cao su |
| u Đứng đầ ổng hợp | t |
| i Loạ | S7S / SR, SC, ESD, CHÀO, CI, FO, nhân s |
| Phạm vi kích thước | EU 36-50 / UK 3.5-14.0 / US 4.0-15.0<br>JPN 22.5-33.0 / KOR 235-330 |
| ng lượng thép | 0.792 kg |
| ẩn hiệu chu | EN ISO 20345:2022+A1:2024<br>ASTM F2413:2024 |

BLK

Chống nước **(WR)**
Giày không thấm nước ngăn chất ỏng xâm nhập vào giày.

**DGUV BGR 191**
Những đôi giày này phù hợp với hình và điều chỉnh chỉnh hình. Được chứng nhận theo BGR 191.

Đ nhiệt
Đ được nhiệt độ cao lên đến 300°C.

X
ESD cung cấp khả năng xả năng lượng tĩnh điện có kiểm soát có thể làm hỏng các bộ phận điện tử và ngăn ngừa tia lửa do tích điện. Điện trở 100 KiloOhm và 100 MegaOhm.

**Cách** điện lạnh **(CI)**
Giày bảo hộ cách nhiệt cung cấp bảo vệ chống lạnh. Chúng được mặc trong môi trường lạnh.

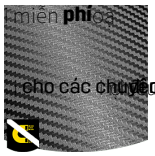

miễn **phí**
**Kim** l
Giày an toàn không có giày an toàn thông thường. Chúng cũng cho các chuyên gia mũi giày.

SAFETY JOGGER WORKS

**HEAD-TO-TOE PROTECTION**

PLATINUM Top 1% ecovadis Sustainability Rating SEP 2025

Proudly ranked in the top 1% by EcoVadis for sustainability.

ENGINEERED IN EUROPE

www.safetyjogger.com

**Công** nghiệp **n:**
Xây dự n g, lĩnh vự c ô tô, Hoá h u cơ, Khai thác m ỏ , Dầu khi

ường: **Môi** t
rư ờn g tươ ng đối, môi khô, môi ẩm, b ề mặt không bằn g phẳn g, b ề mặt trơn trượt, áp, môi ẩm ư ớt

**Cac** hương **dân ba#o tri:**
éo dài t Đ giày, chúng tôi khuyên bạn nên v ệ sinh giày thư ờn g xuyên và bảo v ệ chúng bằng phương pháp phù hợp nhiệt độ phòng trên lò s

| | Sự **miêu** t ả | ơn vị **đo** l ường | Đ ờn g ế t K ả u q | **EN ISO 20345** |
|---|---|---|---|---|
| Nhữ n g vật l iệu Họ c h ỏi **cao** cấp h ơn | | | | |
| | Top: khả năng thấm hút nước | mg/cm/g | 7.1 | ? 0.8 |
| | Top: hi nệ số hấp thụ nước | mg/cm2 | 64 | ? 15 |
| **ót bên trong** | **màng** | | | |
| | L ớp lót: khả năng thấm hút nước | mg/cm/g | 2.4 | ? 2 |
| | lót: hi nệ số hấp thụ nước | mg/cm2 | 23 | ? 20 |
| **rong** Đ ố p **SJ** đế x | | | | |
| ệ m chân | Đ ch ố n g mài mòn (khô/ư ớt ) (chu kỳ) | chu kỳ | 25600/12800 | 25600/12800 |
| **goài** Đ | **PU/cao su** | | | |
| | Ch ố ng mài mòn đế ngoài ( | mm | 110 | ? 150 |
| | Chư ớt trơ n trượt bản - Ceramic + NaLS - Trư ớt gót lưu ý phía t | ma sát | 0.47 | ? 0.31 |
| | rư ớt trơ n trượt cố ng bằng - G ố m + NaLS - Trư ớt lùi lưu ý phía t | ma sát | 0.50 | ? 0.36 |
| | rư ớt trơ n trượt SR - G ố m + Glycerin - Trư ớt gót phía t | ma sát | 0.20 | ? 0.19 |
| | Chư ớt trơ n trượt SR g G ố m + Glycerin - Tư ớt lùi phía t | ma sát | 0.26 | ? 0.22 |
| rị ch ố | Giá t g tĩnh điệ n | megaohm | 3.6 | 0.1 - 1000 |
| rị ESD | Giá t | megaohm | 52 | 0.1 - 100 |
| | Hấp thụ năng l ượng gót chân ủ | J | 31 | ? 20 |
| Đ ướ n g đầ t ợp | | | | |
| | Mũi giày an toàn ch ố n g va đập (kh oản g cách sau va đập 100J) | mm | N/A | N/A |
| | Nắp mũi ch ố n g nén (khe h ở sau khi nén 10kN) | mm | N/A | N/A |
| | Mũi giày an toàn ch ố n g va đập (kh oản g cách sau va đập 200J) | mm | 18.0 | ? 14 |
| | Mũi giày an toàn ch ố n g nén (kh oản g h ở sau khi nén 15kN) | mm | 21.0 | ? 14 |

kích thước thép:

a chúng tôi không có trách nhiệm thay thế nhãn hiệu Safety Jogger đã được đăng ký và không được sao chép dưới dạng nào mà không có sự đồng ý bằng văn bản của chúng tôi.

SAFETY JOGGER WORKS
HEAD-TO-TOE PROTECTION
PLATINUM Top 1% ecovadis Sustainability Rating SEP 2025
Proudly ranked in the top 1% by EcoVadis for sustainability.
ENGINEERED IN EUROPE
www.safetyjogger.com